

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ TÁC ĐỘNG CỦA TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KINH TẾ NÔNG HỘ

Võ Xuân Hội¹, Phạm Thanh Hùng¹, Nguyễn Đức Quyền¹, Vũ Trinh Vương¹,
Nguyễn Thị Trà Giang¹

Ngày nhận bài: 30/10/2023; Ngày phản biện thông qua: 23/02/2024; Ngày duyệt đăng: 25/02/2024

TÓM TẮT

Tín dụng đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế nông hộ. Kinh tế nông hộ là một hình thức cơ bản và tự chủ trong nông nghiệp mà nông hộ sở hữu yếu tố sản xuất, đó là một loại hình kinh tế hiệu quả và phù hợp cho sản xuất nông nghiệp, được hình thành và phát triển một cách khách quan và lâu dài. Nghiên cứu về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ được nhiều nhà khoa học nghiên cứu thực hiện. Bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, đánh giá, phân tích dựa trên các nghiên cứu về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ. Kết quả nghiên cứu đã hệ thống hóa các vấn đề tổng quan về tín dụng và tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ. Tác động của tín dụng trong kinh tế nông hộ được thể hiện qua các khía cạnh: đảm bảo nguồn vốn cho quá trình sản xuất của nông hộ, mở rộng quy mô sản xuất, tăng hiệu quả sản xuất và thu nhập, đảm bảo chi tiêu các nhu cầu sinh hoạt của nông hộ, và các tác động khác.

Từ khóa: tác động, tín dụng, kinh tế nông hộ.

1. MỞ ĐẦU

Trong quá trình phát triển nông nghiệp nông thôn, kinh tế hộ nông dân đang giữ vai trò quan trọng. Với vai trò là đơn vị kinh tế đặc thù và phù hợp với thực trạng phát triển sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam, kinh tế hộ nông dân đã thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp, ngày càng khẳng định vai trò của mình trong đời sống kinh tế xã hội đặc biệt ở vùng nông thôn. Sự phát triển của kinh tế hộ nông dân trong thời gian vừa qua đã thúc đẩy nền nông nghiệp nước ta phát triển, nông thôn và đời sống của người dân có những bước thay đổi đáng kể. Phát triển nông nghiệp nói chung và đối với hộ nông dân nói riêng đòi hỏi yêu cầu về vốn lớn, tuy nhiên tỷ trọng vốn tự có của nông dân tham gia vào quá trình sản xuất còn thấp nên tín dụng được coi là nguồn vốn chủ yếu. Vốn tín dụng có tác dụng đẩy nhanh quá trình đầu tư sản xuất quy mô lớn, đầu tư khoa học công nghệ cho sản xuất nông nghiệp, từ đó đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn, thúc đẩy kinh tế hộ nông dân phát triển. Có những nghiên cứu cung cấp kết quả tích cực về hiệu quả của các chương trình tín dụng nông thôn lên thu nhập hộ gia đình (Morduch J, & Haley, 2001; Barslund & Tarp, 2008). Đinh Phi Hồ và Đông Đức (2015) chỉ ra rằng chương trình tín dụng nông nghiệp từ khu vực chính thức có tác động tích cực đến thu nhập của nông hộ ở Việt Nam.

Thời gian qua các chính sách tín dụng cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn như Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, và phát triển

kinh tế hộ nông dân đã có những chuyển biến tích cực và tác động lớn đến sự phát triển kinh tế hộ nông dân. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân, với các gói tín dụng ưu đãi, phù hợp, được áp dụng cho từng ngành, từng lĩnh vực, nhất là các chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp trọng điểm đã thực sự là đòn bẩy hỗ trợ đặc lực giúp tăng trưởng tín dụng, duy trì, phục hồi hoạt động sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn. Vốn tín dụng đã tạo điều kiện cho các hộ nông dân hình thành các nguồn lực đầu tư mở rộng sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Như chất xúc tác, vốn tín dụng cũng giúp hộ nông dân sử dụng tốt hơn nguồn lực sẵn có của gia đình, tạo thêm việc làm, đa dạng hóa ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn từ đó làm tăng thu nhập đồng thời góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người nông dân.

Tuy nhiên, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nói chung và đối với kinh tế hộ nông dân cũng còn gặp một số hạn chế, nguồn vốn tín dụng chính thức chưa đáp ứng được nhu cầu của các hộ nông dân, các công cụ phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong tín dụng nông nghiệp còn thiếu vì vậy hiệu quả đầu tư tín dụng đối với lĩnh vực này không cao. Trong bài viết này tác giả hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ.

2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Võ Xuân Hội; ĐT: 0905841851, Email: vxhoi@ttn.edu.vn.

2.1. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung vào hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ. Xây dựng khung phân tích tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan, với mục tiêu hệ thống hóa các tài liệu nghiên cứu về các vấn đề lý luận và thực tiễn tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ. Thông tin được sử dụng trong bài viết bao gồm các tài liệu, bài báo nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế, các tài liệu đã được công bố liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Thông qua tổng quan cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai để làm rõ các khái niệm về tín dụng, kinh tế nông hộ, nội dung đánh giá tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: Phương pháp phân tích và tổng hợp là quá trình nghiên cứu và xử lý dữ liệu nhằm hiểu rõ, phân tích và tóm tắt thông tin từ các nguồn khác nhau để đưa ra các kết luận và nhận định có giá trị đến mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp này giúp nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các biến, đồng thời tổng kết và trình bày các kết quả mạch lạc và dễ hiểu.

- Phương pháp phân loại và hệ thống: Phương pháp phân loại và hệ thống là phương pháp phân chia, sắp xếp các đối tượng, dữ liệu hoặc thông tin vào các nhóm có cùng đặc điểm, thuộc tính hay sự tương đồng nhất định. Phương pháp này giúp người nghiên cứu tổ chức thông tin trật tự và hiểu rõ cấu trúc của dữ liệu để dễ dàng nghiên cứu, phân tích và hiểu sâu hơn về các đối tượng hay hiện tượng nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Một số khái niệm

3.1.1. Khái niệm hộ nông dân

Frank Ellis (1993), một nhà nghiên cứu về kinh tế hộ nông dân đã đưa ra định nghĩa về đơn vị kinh tế hộ nông dân (Peasant economics). Theo ông các đặc điểm đặc trưng mà phân biệt giữa các gia đình nông dân với những người làm kinh tế khác trong một nền kinh tế thị trường là: đất đai, lao động, tiền vốn và cách tiêu dùng. Người nông dân với ruộng đất chính là một yếu tố đặc biệt hơn hẳn các yếu tố sản xuất khác vì giá trị của nó; Đất đai là nguồn đảm bảo lâu dài đời sống của gia đình nông dân trước những thiên tai. Hơn nữa lao động của gia đình là một đặc tính kinh tế nổi bật của hộ nông dân. Người “lao động của gia đình” là yếu tố đầu vào quan trọng của kinh tế hộ và là yếu tố

phân biệt kinh tế hộ với các doanh nghiệp tư nhân. Người nông dân làm công việc của gia đình chứ không phải làm công việc kinh doanh thuần túy, nó khác với đặc điểm chủ yếu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là làm chủ vốn đầu tư và tích lũy vốn cũng như khái niệm hoàn vốn đầu tư dưới dạng lợi nhuận.

Ở Việt Nam, một số tác giả nêu lên ý kiến về hộ nông dân. Điển hình như: “*Hộ nông dân là hộ gia đình mà hoạt động sản xuất chủ yếu của họ là nông nghiệp*” (Đào Thế Tuấn, 1997). Ngoài các hoạt động nông nghiệp, hộ nông dân còn có thể tiến hành thêm các hoạt động khác, tuy nhiên đó chỉ là các hoạt động phụ. Đặc điểm cơ bản nhất của sản xuất hộ nông dân là dựa trên sử dụng lao động gia đình là chính, chỉ đi thuê một phần nhỏ lao động. Theo Mai Văn Xuân, (2011) thì “*Hộ nông dân là một đơn vị kinh tế cơ bản, tiến hành sản xuất kinh doanh dựa trên các nguồn lực sẵn có của gia đình nhằm tạo ra thu nhập theo nhiều hình thức khác nhau, chịu sự tác động của quy luật khách quan trong quá trình tồn tại và phát triển*”.

Tóm lại, hộ nông dân được hiểu là những hộ có thu nhập từ hoạt động nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập của hộ. Hộ nông dân được xem xét như một đơn vị kinh tế cơ sở, vừa thực hiện nhiệm vụ sản xuất, vừa là nơi tiêu dùng sản phẩm do các lĩnh vực sản xuất ra. Do đó, hộ nông dân không thể tồn tại một cách biệt lập mà phải tồn tại trong mối liên hệ tương quan với các loại hình kinh tế khác.

3.1.2. Kinh tế nông hộ và bản chất kinh tế nông hộ

Kinh tế hộ nông dân là hình thức kinh tế cơ sở của nền sản xuất xã hội, trong đó các nguồn lực như đất đai, lao động, tiền vốn và tư liệu sản xuất được coi là của chung để tiến hành sản xuất, có chung ngân quỹ, ngủ chung một nhà, ăn chung. Mọi quyết định trong sản xuất kinh doanh và đời sống là tùy thuộc vào chủ hộ, được nhà nước thừa nhận, hỗ trợ và tạo điều kiện để phát triển (Mai Văn Xuân, 2011).

Kinh tế nông hộ là một hình thức cơ bản và tự chủ trong nông nghiệp. Nó được hình thành và phát triển một cách khách quan, lâu dài, dựa trên sự sở hữu các yếu tố sản xuất, là loại hình kinh tế có hiệu quả, phù hợp với sản xuất nông nghiệp. Tính tự chủ trong kinh tế nông hộ được thể hiện ở những đặc điểm sau: (1) Làm chủ quá trình sản xuất và tái sản xuất trong nông nghiệp; (2) Sắp xếp điều hành phân công lao động trong quá trình sản xuất; (3) Quyết định phân phối sản phẩm làm ra sau khi đóng thuế cho nhà nước, được chọn quyền

sử dụng phần còn lại. Nếu có sản phẩm dư thừa, hộ nông dân có thể đưa ra thị trường tiêu thụ đó là sản phẩm hàng hóa.

3.1.3. Đặc điểm của kinh tế nông hộ

Kinh tế hộ sản xuất nông nghiệp là mô hình tổ chức đặc biệt mà ở đó có sự thống nhất chặt chẽ giữa quyền sở hữu với quá trình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất.

Kinh tế hộ nông dân có các đặc điểm cơ bản là:

- *Thứ nhất*, nông hộ thường có sự thống nhất chặt chẽ giữa quyền sở hữu với quá trình quản lý và sử dụng các yếu tố sản xuất bởi vì sở hữu trong nông hộ là sở hữu chung, mọi thành viên đều có thể sử dụng và tự quản lý các yếu tố sản xuất như vốn, đất đai để tạo ra của cải đóng góp vào ngân quỹ chung của nông hộ.

- *Thứ hai*, trong nông hộ, lao động quản lý và lao động trực tiếp có sự gắn bó chặt chẽ với nhau và được chi phối bởi quan hệ huyết thống. Thông thường chủ hộ thường là người quản lý, điều hành và trực tiếp tham gia sản xuất vì vậy việc tổ chức sản xuất trong nông hộ diễn ra tương đối linh hoạt và thống nhất, cơ cấu tổ chức rất đơn giản.

- *Thứ ba*, nông hộ thường có quy mô sản xuất nhỏ. Mặt khác các nguồn lực của nông hộ có thể được huy động hay thu hồi dễ dàng nên các nông hộ hoàn toàn có khả năng thích nghi và tự điều chỉnh tốt. Khi gặp điều kiện thuận lợi, nông hộ có thể phát huy tối đa nguồn lực cho sản xuất, còn trong hoàn cảnh bất lợi, sản xuất được thu hẹp, thậm chí có thể quay về với sản xuất giản đơn.

- *Thứ tư*, trong nông hộ lợi ích kinh tế của các thành viên vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn, được thực hiện đan xen trong một trật tự tổ chức hết sức đa dạng và phức tạp. Tuy nhiên các mối quan hệ này cùng tác động tạo nên sự thống nhất giữa các thành viên trong lao động để phát triển kinh tế, đặc điểm này có sự khác biệt với các đơn vị kinh tế khác.

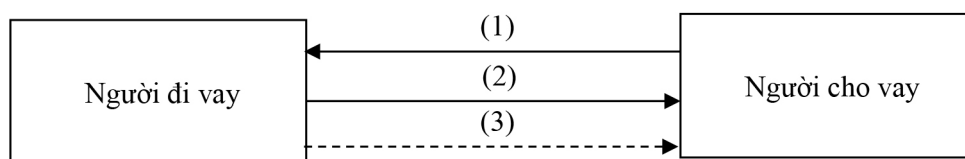
- *Thứ năm*, kinh tế nông hộ có tính thời vụ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên của từng vùng. Bên cạnh đó kinh tế nông hộ thường phân tán trên địa bàn rộng nên gặp khó khăn để hình thành các khu vực chuyên canh sản xuất lớn, và áp dụng khoa học công nghệ.

- *Thứ sáu*, khả năng tài chính của nông hộ còn nhiều hạn chế, tài sản thế chấp có giá trị nhỏ hoặc thiếu giấy tờ pháp lý nên việc đáp ứng các điều kiện vay vốn trong tín dụng hộ sản xuất là rất khó khăn (Đào Thế Tuấn, 1997; Mai Văn Xuân, 2011).

3.1.4. Khái niệm và phương thức tín dụng

3.1.4.1. Khái niệm tín dụng

Tín dụng (credit) xuất phát từ chữ La tinh credere, có nghĩa là sự tin tưởng, tín nhiệm. Nguồn gốc của việc sử dụng sự tin tưởng, tín nhiệm, sử dụng “chữ tín” trong mối quan hệ vay mượn bắt nguồn từ sự vận động đơn phương của giá trị. Sự tách rời của (1) quá trình vay và (2) quá trình trả trên cơ sở tin tưởng, tín nhiệm nên mối quan hệ vay mượn trở thành quan hệ tín dụng; trong mối quan hệ đó, người đi vay phải trả cho người cho vay một khoản phí vì đã sử dụng vốn vay (3) theo nguyên tắc hạch toán kinh tế của thị trường.



Sơ đồ 1. Quan hệ tín dụng

Theo Jonathan Golin (2014), định nghĩa về tín dụng: “Tín dụng là niềm tin hoặc kỳ vọng thực tế, khi đó người cho vay sẵn sàng cho vay và sẽ được hoàn trả đầy đủ theo quy định của thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay vốn và rủi ro tín dụng là khả năng có thể xảy ra”.

Theo điều 20 của Luật các tổ chức tín dụng của Việt Nam (2010), “Hoạt động tín dụng là việc tổ chức tín dụng sử dụng nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để cấp tín dụng” và “cấp tín dụng là việc tổ chức tín dụng thỏa thuận để khách hàng sử dụng một khoản tiền với nguyên tắc có hoàn trả bằng các nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính

bao lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ khác”.

Từ những quan điểm trên cho thấy: “Tín dụng là sự chuyển giao quyền sử dụng một lượng giá trị cho vay từ người này sang người khác, giá trị cho vay có thể dưới hình thức tiền tệ hay hình thái vật chất, có thời hạn nhất định và kèm theo một lượng giá trị dư thêm, gọi là lợi tức tín dụng”.

3.1.4.2. Các phương thức tín dụng đối với hộ nông dân

a. Phương thức tiếp cận vốn tín dụng

Trong quá trình triển khai chính sách tín dụng cho hộ nông dân, các tổ chức tín dụng (TCTD)

thực hiện cho vay theo hai phương thức, cho vay trực tiếp và cho vay gián tiếp.

- Cho vay trực tiếp đến hộ nông dân: cũng giống như cho vay thương mại, các TCTD sẽ trực tiếp thực hiện tất cả các nghiệp vụ với khách hàng vay vốn, tức là khi hộ nông dân có nhu cầu vay vốn sẽ trực tiếp mang hồ sơ vay vốn đến gặp các TCTD, căn cứ vào mục đích, nhu cầu của khách hàng, các TCTD sẽ tiếp nhận hồ sơ, sau đó thẩm định các điều kiện để cho vay, tiếp đến là xét duyệt hồ sơ vay vốn và giải ngân vốn vay cho khách hàng. (Nguyễn Hữu Thu, 2020)

- Cho vay trực tiếp đến hộ nông dân chủ yếu là cho vay ngắn hạn, đáp ứng nhu cầu chi phí sản xuất theo thời vụ và khi có điều kiện sẽ từng bước mở rộng việc cho vay trung hạn và dài hạn để phát triển cây dài ngày, mua sắm thiết bị máy móc cần thiết, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề ở nông thôn. (Hồ Diệu, 2001; Lê Văn Tề, 2013)

- Cho vay gián tiếp: Theo phương thức này các TCTD sẽ ủy thác cho một số tổ chức trên địa bàn hoạt động như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... thực hiện một số công việc trong quy trình cho vay. Đây là phương thức cho vay khá ưu việt so với phương thức cho vay mà TCTD thực hiện toàn bộ các công đoạn của quy trình cho vay đó là giảm thiểu được chi phí tìm kiếm, thẩm định, giám sát khách hàng, tăng cường được quá trình tự giám sát, giúp đỡ lẫn nhau giữa các khách hàng vay vốn. (Nguyễn Hữu Thu, 2020)

b. Phân theo thời gian

- Tín dụng ngắn hạn

Tín dụng ngắn hạn là loại tín dụng có thời hạn đến 12 tháng, được sử dụng để tài trợ cho tài sản lưu động (tài trợ mua sắm hàng hóa hoặc thanh toán nhà cung cấp) hoặc nhu cầu sử dụng vốn ngắn hạn của hộ sản xuất.

- Tín dụng trung hạn

Tín dụng trung hạn là loại tín dụng có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng và chủ yếu được tài trợ để mua sắm trang thiết bị, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đầu tư cây, con giống. Các khoản tín dụng trung hạn thường có mức lãi suất cao hơn so với cho vay dài hạn, do mức độ rủi ro tương đối cao hơn trong thời gian vay ngắn.

- Tín dụng dài hạn

Tín dụng dài hạn là loại tín dụng có thời hạn trên 60 tháng và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho các công trình xây dựng như nhà cửa, trang trải kinh phí cho con em đi học phổ thông, đại học. (Hồ Diệu, 2001; Lê Văn Tề, 2013)

c. Theo mục đích sử dụng

- Tín dụng cho hoạt động nông nghiệp: là những hoạt động đầu tư mua sắm các loại vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón..., công cụ lao động, chi phí thanh toán cung ứng vật tư.

- Tín dụng cho hoạt động phi nông nghiệp: là những hoạt động tiêu thụ công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp, kinh doanh, buôn bán, làng nghề.

- Tín dụng cho đầu tư khác: là những khoản đầu tư về xây mới nhà cửa, mua sắm các tài sản khác và đầu tư cho giáo dục.

- Tín dụng cho tiêu dùng: là những khoản giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nước sạch, điện thấp sáng, hoàn trả nợ, chi tiêu y tế và các khoản tiêu dùng thường xuyên khác. (Nguyễn Hữu Thu, 2020)

d. Theo tính chất đảm bảo của các khoản cho vay

- Tín dụng có đảm bảo: Là loại hình tín dụng mà các khoản cho vay phát ra đều có tài sản tương đương thế chấp.

- Tín dụng không có bảo đảm: là loại hình tín dụng mà các khoản cho vay phát ra không cần tài sản thế chấp mà chỉ dựa vào tín chấp, loại hình này rất phù hợp với đối tượng khách hàng là các hộ nông dân. (Hồ Diệu, 2001; Lê Văn Tề, 2013)

3.1.5. Lý thuyết về tác động và đánh giá tác động

3.1.5.1. Khái niệm

Lý thuyết tác động là một lý thuyết trong khoa học xã hội và môi trường, có liên quan đến việc xác định và đo lường những tác động của một hoạt động nhất định lên môi trường, xã hội, và kinh tế. Lý thuyết này giúp ta đánh giá những hậu quả của một hoạt động trước khi thực hiện, đưa ra các quyết định phù hợp để giảm thiểu những tác động tiêu cực và tăng cường những tác động tích cực.

Khái niệm về tác động: Tác động là sự thay đổi trong kết quả hoặc tình hình của một chính sách, dự án hoặc chương trình so với trạng thái ban đầu. Tác động có thể là tích cực hoặc tiêu cực, trực tiếp hoặc gián tiếp, lớn hoặc nhỏ. Đánh giá tác động là một công cụ của lý thuyết tác động, được sử dụng để đánh giá tác động của một hoạt động mới hoặc mở rộng lên môi trường và xã hội. Đánh giá tác động bao gồm việc xác định những tác động tiêu cực và tích cực có thể xảy ra do hoạt động đó, đánh giá mức độ tác động, và đưa ra các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực và tăng cường tác động tích cực.

3.1.5.2. Phương pháp đánh giá tác động

Phương pháp đánh giá tác động là quá trình đánh giá những tác động của một hoạt động hoặc chính sách đến môi trường, xã hội và kinh tế. Có nhiều phương pháp để thực hiện đánh giá tác động, trong đó có các phương pháp chính sau đây:

- *Phương pháp khác biệt kép (DID)*

Phương pháp khác biệt trong sự khác biệt (Difference in Differences) hay còn gọi là phương pháp sai biệt kép (DD) ngày càng được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu phân tích hiệu quả tác động của một chương trình hoặc chính sách.

Về cơ bản, DD so sánh các nhóm tác động và đối chứng dựa trên những khác biệt trong kết quả ở từng thời kì quan sát. Cụ thể, sau điều tra ban đầu về cả đối tượng không tham gia và tham gia chương trình, ta có thể thực hiện một điều tra tiếp theo về cả hai nhóm này sau tác động. Từ thông tin này, ta tính toán được sai biệt giữa các kết quả trung bình được quan sát trên nhóm tham gia và đối chứng trước và sau tác động chương trình. (Khandker & cộng sự, 2010)

- *Phương pháp phân tích điểm xu hướng (PSM)*

Phương pháp so sánh điểm xu hướng (PSM) là phương pháp xây dựng nhóm so sánh thông kê dựa trên mô hình xác suất tham gia can thiệp bằng các số liệu thống kê được quan sát. Đối tượng tham gia sau đó được so sánh dựa trên xác suất này, hay còn gọi là điểm xu hướng, với đối tượng không tham gia. Hiệu quả can thiệp bình quân của chương trình sau đó được tính toán bằng sai biệt trung vị trong kết quả giữa hai nhóm.

- *Phân tích chi phí - hiệu quả*: đây là phương pháp phổ biến nhất trong đánh giá tác động và được sử dụng để đánh giá tác động của một chính sách hoặc dự án trên cơ sở so sánh giữa chi phí và hiệu quả. Các chi phí và hiệu quả của một dự án hoặc chính sách được đo lường và so sánh để xác định xem liệu chúng có thực sự đáng đầu tư hay không.

- *Phân tích đầu ra*: Phương pháp này được sử dụng để đánh giá những tác động kinh tế của một chính sách hoặc dự án. Đầu ra của chính sách hoặc dự án được đo lường bằng cách tính toán giá trị của sản phẩm hoặc dịch vụ được tạo ra.

- *Phân tích tác động trực tiếp và gián tiếp*: Phương pháp này sử dụng để đánh giá những tác động trực tiếp và gián tiếp của một chính sách hoặc dự án. Tác động trực tiếp là những tác động mà chính sách hoặc dự án có trực tiếp đến, trong khi tác động gián tiếp là những tác động phụ thuộc vào những tác động trực tiếp.

- *Phân tích tác động đồng thời*: Phương pháp này đánh giá những tác động đồng thời của nhiều chính sách hoặc dự án, nhằm đánh giá tác động tổng thể của nhiều yếu tố đối với môi trường, xã hội và kinh tế.

- *Phân tích quá trình*: Phương pháp này tập trung vào quá trình triển khai của một chính sách hoặc dự án, nhằm đánh giá tác động của các quyết định được đưa ra trong quá trình triển khai đến môi

trường, xã hội và kinh tế.

- *Phương pháp mô phỏng*: là một trong các phương pháp đánh giá tác động được sử dụng để mô phỏng các tình huống giả định và dự đoán tác động của một chính sách hoặc dự án. Phương pháp này sử dụng các mô hình toán học và các giả định về các thay đổi trong hành vi của các đối tượng liên quan để dự đoán tác động của một chính sách hoặc dự án trước khi chúng được triển khai.

Phương pháp mô phỏng thường được sử dụng để đánh giá tác động của các chính sách hoặc dự án lớn và phức tạp, như các chính sách liên quan đến năng lượng, môi trường hay đô thị hóa. Các mô hình toán học được sử dụng trong phương pháp này có thể bao gồm các mô hình định tính hoặc mô hình định lượng. (Dina Pomeranz, 2011; Gertler, Paul J at al, 2016)

3.1.6. Vai trò của tín dụng đối với sự phát triển kinh tế nông hộ

Vốn tín dụng đáp ứng bổ sung phần vốn thiếu cho các hộ nông dân để họ có điều kiện thâm canh tăng năng suất cây trồng, phát triển chăn nuôi mở mang ngành nghề cũng như tăng cường mua sắm trang thiết bị máy móc chi phí cho việc mở rộng quy mô sản xuất, tăng năng suất lao động. Tín dụng là động lực thúc đẩy hộ nông dân phát triển, nâng cao đời sống, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng kinh tế. Cụ thể:

Một là, tín dụng góp phần đáp ứng và bảo đảm nhu cầu vốn của hộ nông dân để duy trì quá trình sản xuất, góp phần đầu tư phát triển nền kinh tế.

Trong nền kinh tế thị trường, tại một thời điểm nhất định, hiện tượng tạm thời thừa, thiếu vốn thường xuyên xảy ra đối với các tổ chức kinh tế nói chung và đối với hộ sản xuất nông nghiệp nói riêng. Hoạt động tín dụng đối với hộ nông dân đã góp phần điều hòa vốn trong nền kinh tế quốc dân, đáp ứng nhu cầu về vốn cho hộ nông dân tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được liên tục, tránh được tình trạng lao động không có việc làm hoặc chỉ có việc làm theo thời vụ.

Do tính thời vụ của sản xuất nông nghiệp nên trong thời điểm giao vụ người nông dân chưa có sản phẩm hàng hóa thì chưa có thu nhập. Những hộ nông dân lại cần vốn để mua vật tư, đầu tư đổi mới kỹ thuật, mua sắm máy móc thiết bị với khối lượng tiền vốn lớn, nên chủ yếu hộ nông dân cần tới nguồn vốn tín dụng. Trong điều kiện nguồn ngân sách cân đối cho nông nghiệp nông thôn còn hạn chế thì nguồn vốn tín dụng đã góp một phần quan trọng trong việc hỗ trợ vốn để các hộ có điều kiện phát huy tiềm năng của mình.

Hai là, nguồn vốn tín dụng giúp nâng cao trình độ sản xuất, trình độ quản lý, tiếp cận với kinh tế thị trường.

Khi tiến hành thực hiện các món cho vay, cán bộ tín dụng phải nắm được hoạt động sản xuất của những hộ có nhu cầu vay vốn như: Khả năng lao động, kỹ thuật sản xuất, vốn tự có, tình hình giá cả trên thị trường có liên quan đến sản phẩm mà các nông hộ dự định sản xuất.

Với những nguyên tắc cơ bản của tín dụng là vốn vay phải được hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn. Như vậy tín dụng đã thúc đẩy được việc sử dụng vốn có hiệu quả. Với việc lập phương án để vay vốn, hộ sản xuất đã tính toán được các khoản thu nhập, chi phí, hạch toán kinh doanh. Cũng chính vì phải tính xem làm sao thu nhập trả được vốn vay, lãi vay vừa đảm bảo lợi nhuận cho hộ gia đình, hộ sản xuất sẽ phải tìm hiểu mình cần sản xuất cái gì hiệu quả nhất. Họ bắt đầu nhận thức được rằng cần phải sản xuất những thứ mà thị trường cần chứ không phải những thứ mà hộ có như trước đây. Như vậy, với việc sử dụng nguồn vốn tín dụng có hiệu quả đã giúp hộ sản xuất nâng cao trình độ sản xuất, hoạt động có hiệu quả.

Ba là, tín dụng giúp thúc đẩy nền kinh tế phát triển và ổn định chính trị xã hội.

Tín dụng đã tạo việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống, giảm bớt được những tệ nạn xã hội, tham gia tích cực vào chương trình xóa đói giảm nghèo, làm cho số hộ giàu tăng nhanh, bước đầu góp phần hạn chế sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, giữ vững nền tảng an ninh, ổn định chính trị xã hội.

Tóm lại, nguồn vốn tín dụng giữ một vai trò quan trọng và không thể thiếu được trong việc cung ứng vốn, đáp ứng nhu cầu về vốn của hộ sản xuất trong sản xuất kinh doanh giúp các nông hộ chủ động về vốn, đảm bảo kế hoạch sản xuất, không ngừng tăng năng suất. (Phạm Vũ Lửa Hạ, 2003; Nguyễn Kim Anh và cộng sự, 2011).

3.2. Hoạt động tín dụng đối với kinh tế nông hộ

Nội dung hoạt động tín dụng của kinh tế nông hộ được thể hiện ở các khía cạnh sau:

3.2.1. Tiếp cận tín dụng của nông hộ

3.2.1.1. Nhu cầu về tín dụng của nông hộ

Bên cạnh nguồn vốn tự có để chi tiêu sinh hoạt và đầu tư sản xuất, xuất phát từ nhiều lý do khác nhau, nhiều nông hộ cũng có nhu cầu vay vốn để có thêm nguồn lực để phục vụ cho sản xuất hoặc nhu cầu tiêu dùng.

Nhu cầu về tín dụng thể hiện lượng vốn mà nông hộ muốn vay trong khoảng thời gian nhất định. Lượng vốn vay này có thể nhiều hoặc ít, tùy thuộc nhu cầu vốn phục vụ chi tiêu sinh hoạt và sản xuất của nông hộ. Thời hạn vay dài hay ngắn cũng phụ thuộc vào điều kiện và mong muốn của

nông hộ.

3.2.1.2. Năng lực tiếp cận tín dụng của nông hộ

Để nông hộ tiếp cận vay vốn đòi hỏi nông hộ phải có những điều kiện nhất định bao gồm yếu tố vật chất, phi vật chất mà người cho vay yêu cầu nông hộ cần có để họ đồng ý cho nông hộ vay vốn.

Các yếu tố vật chất, phi vật chất để nông hộ vay vốn gồm:

- Quyền tài sản hoặc quyền sử dụng tài sản ví dụ như cổ phiếu, quyền sử dụng đất...

- Tài sản, đặc biệt là các tài sản có giá trị lớn như xe ô tô, nhà cửa, công nghệ sản xuất...

- Uy tín của nông hộ vay vốn.

- Các yếu tố khác như sổ bảo hiểm xã hội, giấy tờ tùy thân... đôi lúc cũng được sử dụng là điều kiện để tiếp cận nguồn vốn vay.

3.2.1.3. Kết quả tiếp cận nguồn vốn vay của kinh tế nông hộ

Kết quả tiếp cận nguồn vốn vay của nông hộ thể hiện qua số tiền vay vốn mà nông hộ có thể vay được, mức lãi suất vay vốn kèm theo.

Lượng vốn tín dụng nông hộ vay thể hiện giá trị khoản vay và được đo lường cụ thể bằng tiền. Mức vay nhiều hay ít phụ thuộc vào nhu cầu vay vốn và điều kiện thế chấp. Thông thường, so với nhiều chủ thể khác trong nền kinh tế, khoản vay của nông hộ là những khoản vay có giá trị nhỏ.

Nơi vay vốn là nhà cung cấp tín dụng cho nông hộ. Có thể phân các nhà cung cấp tín dụng thành 3 nhóm: nhóm chính thống (ngân hàng, quỹ tín dụng, công ty tài chính...), nhóm bán chính thống (các hội) và nhóm phi chính thống (đại lý, hộ hàng, bạn bè, cá nhân khác...).

Khó khăn trong vay vốn nông hộ có thể gặp phải gồm: Không có tài sản hoặc thiếu tài sản thế chấp, thủ tục vay vốn khó, thời gian chờ đợi lâu, tổn chi phí giao dịch...

3.2.2. Sử dụng nguồn vốn tín dụng của kinh tế nông hộ

Tình hình sử dụng vốn tín dụng của nông hộ được thể hiện qua mục đích sử dụng vốn. Mục đích sử dụng vốn vay có thể phân thành: chi cho sinh hoạt và chi cho sản xuất. Trong đó:

- Chi cho sinh hoạt bao gồm chi mua lương thực, thực phẩm, chữa bệnh, học hành, mua đồ dùng gia đình...

- Chi sản xuất bao gồm chi mua đất đai, chi mua máy móc, chi mua nguyên vật liệu đầu vào...

Hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng của kinh tế nông hộ

Hiệu quả là sự chênh lệch giữa kết quả thu được

và chi phí đã bỏ ra. Đây là một trong những thước đo quan trọng của quá trình sản xuất, kinh doanh của các chủ thể kinh tế trong nền kinh tế, trong đó có cả nông hộ.

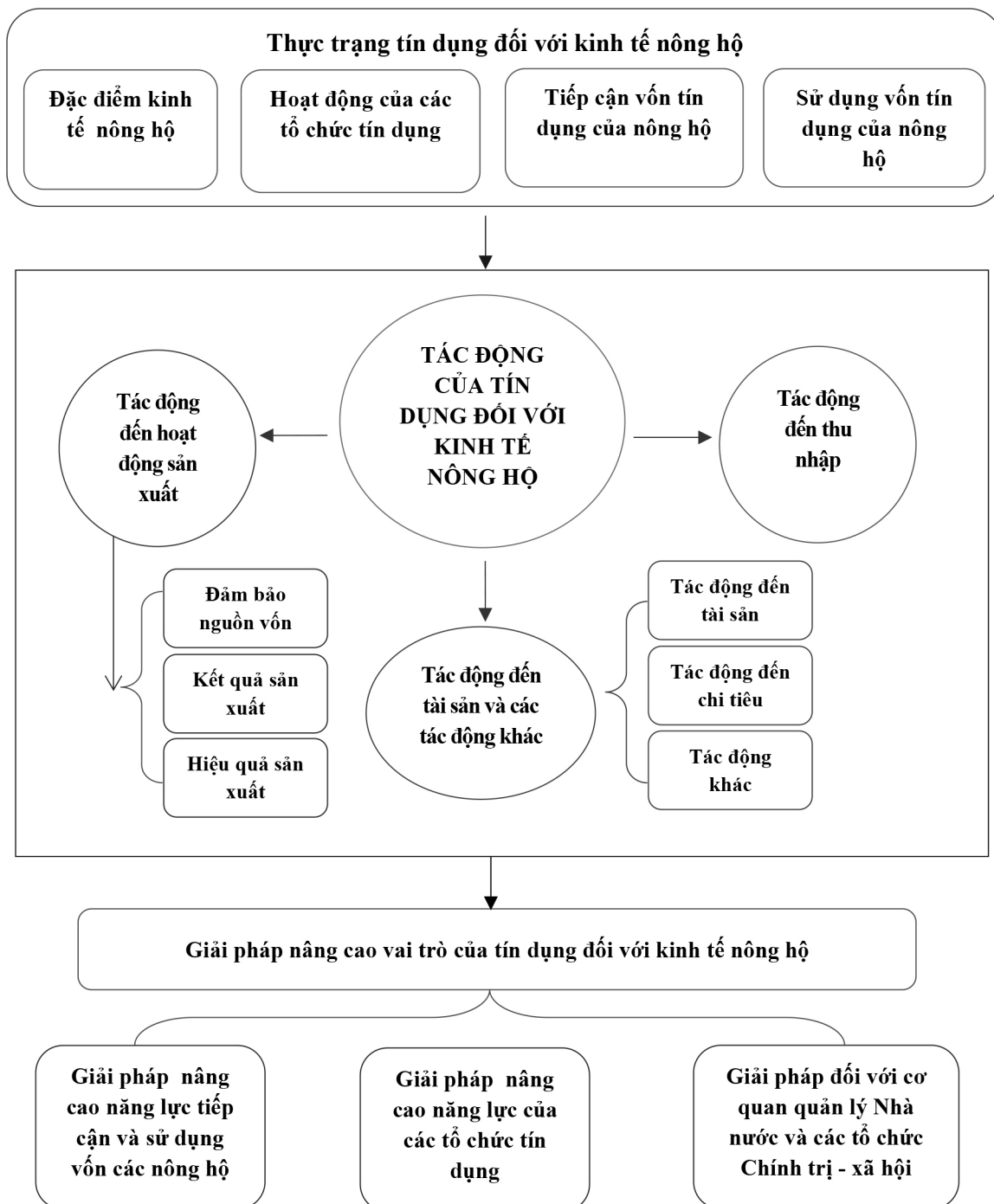
Đối với nông hộ, ở khía cạnh tuyệt đối, để đo lường hiệu quả sản xuất có thể dùng chỉ tiêu thu nhập hỗn hợp (MI – Là kết quả thu được sau khi trừ đi các chi phí không bao gồm chi phí lao động gia đình), ở khía cạnh tương đối có thể dùng chỉ tiêu thu nhập hỗn hợp/Tổng vốn đầu tư (hoặc tổng chi phí) của nông hộ.

Hiệu quả sử dụng vốn tín dụng có thể sử dụng

các chỉ tiêu đo lường hiệu quả sản xuất của nông hộ được đề cập ở trên, tuy nhiên lúc này sẽ so sánh hiệu quả của trường hợp nông hộ trước khi vay vốn và sau khi vay vốn. Hoặc có thể so sánh giữa các nhóm nông hộ vay vốn được phân theo các tiêu chí khác nhau ví dụ phân nông hộ theo tiêu chí kênh tiếp cận tín dụng (chính thống, bán chính thống, phi chính thống).

3.3. Nội dung đánh giá tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ

3.3.1. Khung phân tích tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3.3.2. Tác động của tín dụng đến hoạt động sản xuất của nông hộ

3.3.2.1. Đảm bảo nguồn vốn cho quá trình sản xuất của nông hộ

Vốn vay có thể được nông hộ sử dụng cho nhu cầu tiêu dùng sinh hoạt của các thành viên của nông hộ như mua thức ăn, chi y tế, chi giáo dục...; hoặc có thể được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu sản xuất như mua máy móc thiết bị, mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, mua giống, mua thức ăn cho vật nuôi...

Đối với nông hộ, đặc biệt là hộ trồng trọt, quy mô sản xuất của họ thường phụ thuộc vào diện tích họ có và ít bị thay đổi trong ngắn hạn, chính vì vậy, lượng vốn tín dụng tiếp cận được có vai trò rất quan trọng giúp họ có thể mua đầy đủ yếu tố đầu vào khác như phân bón, thuốc BVTV, thức ăn chăn nuôi... để bảo đảm cho quá trình sản xuất của họ không bị gián đoạn hay đảm bảo cho quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng, vật nuôi. Trong trường hợp nông hộ thiếu vốn phục vụ sản xuất mà không vay được vốn sẽ làm giảm năng suất và tác động tiêu cực đến kết quả cũng như hiệu quả hoạt động của nông hộ.

3.3.2.2. Mở rộng quy mô sản xuất của kinh tế nông hộ

Mở rộng quy mô sản xuất là tiền đề quan trọng giúp nông hộ tăng thu nhập. Nếu hoạt động có hiệu quả, mở rộng quy mô sản xuất sẽ làm nông hộ kiếm được nhiều thu nhập hơn. Ngược lại, nếu hoạt động sản xuất không hiệu quả thì việc mở rộng quy mô sản xuất từ nguồn tín dụng sẽ làm cho vấn đề nợ vay của hộ tăng lên. Mở rộng quy mô của nông hộ được thể hiện là diện tích sản xuất của nông hộ được tăng lên hay số lượng vật nuôi của nông hộ gia tăng và việc mở rộng như vậy đều cần nguồn lực tài chính.

Nông hộ có thể mở rộng quy mô sản xuất nhờ nguồn vốn tích lũy của gia đình hoặc họ cũng có thể vay nợ để có nguồn lực mở rộng sản xuất. Và việc mở rộng sản xuất từ nguồn tín dụng như vậy cũng sẽ giúp nông hộ có thêm được thu nhập nếu hoạt động sản xuất của hộ vẫn có hiệu quả.

Ngoài ra, cũng liên quan đến vấn đề mở rộng diện tích sản xuất, chúng ta thấy rằng, tích tụ ruộng đất sẽ tạo điều kiện cho quá trình cơ giới hóa và đây là một trong những mục tiêu quan trọng của ngành nông nghiệp của cả nước nói chung, tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

3.3.2.3. Thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

Khoa học công nghệ, mức độ cơ giới hóa và năng suất lao động có mối quan hệ hữu cơ mật

thiết với nhau. Ứng dụng khoa học công nghệ mới sẽ làm tăng mức độ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, khi mức độ cơ giới hóa tăng lên thì sẽ làm tăng năng suất lao động, đây là tiền đề quan trọng giúp tăng thu nhập và nâng cao mức sống cho nông hộ.

Tiếp cận khoa học công nghệ (máy móc, thiết bị mới) đòi hỏi nông hộ phải có nguồn lực tài chính nhất định. Nếu nông hộ có nguồn tài chính tích lũy còn dư thì họ có thể đầu tư máy móc, thiết bị mới từ nguồn này. Tuy nhiên có nhiều nông hộ không có tích lũy hoặc tích lũy đã được dùng vào những mục đích khác thì lúc này, họ có thể tiếp cận tín dụng để mua máy móc, thiết bị để phục vụ sản xuất. Có thể nói, bên cạnh nguồn vốn tự có, thì nguồn vốn tín dụng cũng là một trong những nguồn lực quan trọng mà nông hộ có thể sử dụng để đầu tư máy móc, thiết bị mới và điều này sẽ nâng cao năng suất lao động của nông hộ nói riêng, ngành nông nghiệp nói chung.

3.3.2.4. Tác động đến kết quả và nâng cao hiệu quả sản xuất

- Tác động đến năng suất cây trồng, vật nuôi

Tăng năng suất cây trồng, vật nuôi là một trong những nhiệm vụ, yêu cầu và mục tiêu quan trọng của ngành nông nghiệp và của nông hộ, giúp nâng cao sức cạnh tranh của ngành nông nghiệp và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, trong đó có hộ nông dân.

Tín dụng cũng có thể tác động tích cực đến năng suất cây trồng, vật nuôi. Khi chưa tiếp cận được nguồn tín dụng, nhiều hộ thiếu vốn sản xuất, điều này dẫn đến là cây trồng, vật nuôi không được đầu tư đầy đủ dẫn đến năng suất nông nghiệp được tạo ra thấp. Khi tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, nông hộ có nguồn vốn để mua đầy đủ các yếu tố đầu vào, đây là điều kiện cần để đảm bảo quá trình sinh trưởng, phát triển của cây trồng vật nuôi, từ đó giúp cây trồng, vật nuôi cho sản lượng nhiều hơn so với thời điểm chưa tiếp cận tín dụng. Bên cạnh đó, nhiều hộ cũng ứng dụng các máy móc thiết bị mới vào quá trình sản xuất nhờ nguồn tín dụng tiếp cận được. Và quá trình tiếp cận tín dụng này sẽ làm cho điều kiện canh tác tốt hơn, năng suất cây trồng, vật nuôi sẽ nhờ đó mà tăng lên.

- Tác động đến hiệu quả sản xuất

Hiệu quả sản xuất là thước đo quan trọng nhất đối với quá trình sản xuất trong nền kinh tế, trong đó có nông hộ, nó chính là chênh lệch giữa kết quả đầu ra và với các yếu tố đầu vào để tạo ra kết quả đó.

Tín dụng cũng có thể tác động đến hiệu quả sản xuất của nông hộ. Thứ nhất, tín dụng giúp nông hộ

có đủ nguồn lực để đảm bảo quá trình chăm sóc cây trồng, vật nuôi, đây là yếu tố quan trọng giúp cây trồng vật nuôi sinh trưởng, phát triển tốt từ đó cho hiệu quả cao. Thứ hai, tín dụng cũng giúp một số nông hộ tiếp cận được máy móc, thiết bị mới và khía cạnh này cũng có thể giúp cải thiện hiệu quả sản xuất của nông hộ. Ngoài ra, bên cạnh những tác động tích cực thì tín dụng cũng tạo nguy cơ làm hiệu quả sản xuất của nông hộ giảm đi trong trường hợp lợi ích thu được nhỏ hơn chi phí sử dụng vốn.

3.3.3. Tác động của tín dụng đến thu nhập của nông hộ

Theo Tổng cục Thống kê (2011) định nghĩa rằng: Thu nhập là tổng số tiền mà một người hay một gia đình kiếm được trong 1 ngày, 1 tuần hay 1 tháng, hay nói cụ thể hơn là tất cả những gì mà người ta thu được khi bỏ sức lao động một cách chính đáng được gọi là thu nhập. Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng được tính bằng cách chia tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ và chia cho 12 tháng.

Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định.

Thu nhập của hộ bao gồm thu nhập từ tiền công, tiền lương, thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (sau khi đã trừ chi phí và thuế sản xuất, thu nhập từ sản xuất ngành nghề phi nông, lâm nghiệp, thủy sản (sau khi đã trừ chi phí và thuế sản xuất), thu khác được tính vào thu nhập như cho biểu, mừng, lãi tiết kiệm... Các khoản thu không tính vào thu nhập gồm rút tiền tiết kiệm, thu nợ, bán tài sản, vay nợ, tạm ứng và các khoản chuyển nhượng vốn nhận được do liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh ...

Tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện thu nhập của nông hộ. Các khoản vốn tín dụng có thể giúp nông hộ có được tài nguyên để mở rộng sản xuất, nâng cao năng suất lao động, tăng sản lượng và giá trị của sản phẩm. Đặc biệt, tín dụng còn giúp nông hộ vượt qua khó khăn trong các mùa vụ khác nhau, đảm bảo nguồn vốn để trồng trọt, chăm sóc cây trồng và vật nuôi, đảm bảo sản phẩm không bị thiếu hụt, từ đó tăng cường cơ hội tiếp cận thị trường và tăng thu nhập. Bên cạnh đó tín dụng cũng giúp nông hộ giảm thiểu các rủi ro trong sản xuất và kinh doanh.

Do tác dụng của tín dụng đến hiệu quả sản xuất cũng có thể là tác động thuận hoặc tác động nghịch, có thể làm cho hiệu quả tăng lên nhưng cũng có thể hiệu quả giảm đi, cho nên tín dụng cũng có thể làm

tăng thu nhập của nông hộ nhưng cũng có thể làm giảm thu nhập của nông hộ. Vì vậy, để tín dụng có thể đóng vai trò tích cực đến thu nhập của nông hộ, các khoản vốn tín dụng cần phải được cấp cho nông hộ đúng mục đích. Đồng thời, lãi suất của các khoản vay cũng cần phải được thiết lập hợp lý để tránh áp lực tài chính lên nông hộ và đảm bảo khả năng trả nợ đúng hạn.

3.3.4. Tác động của tín dụng đến tài sản của nông hộ và các tác động khác

3.3.4.1. Tác động đến giá trị tài sản của nông hộ

Tài sản là phương tiện phục vụ cho quá trình sinh hoạt và sản xuất của nông hộ. Bên cạnh đó, những tài sản có giá trị lớn cũng là điều kiện quan trọng giúp nông hộ có thể tiếp cận được nguồn tín dụng từ các kênh chính thống như các ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng.

Tín dụng có vai trò quan trọng trong việc gia tăng giá trị tài sản của nông hộ. Thứ nhất, nếu sử dụng tín dụng hiệu quả, thu nhập của nông hộ tăng lên, giúp gia tăng tích lũy của nông hộ và gia tăng để đầu tư thêm tài sản cho họ. Thứ hai, nông hộ có thể sử dụng lượng tín dụng của họ đầu tư vào tài sản như mua máy móc, thiết bị, mua đất đai... và hoạt động này cũng sẽ làm gia tăng tài sản của nông hộ. Tuy nhiên, việc vay vốn tín dụng cần được quản lý và sử dụng một cách hợp lý, tránh việc nợ nần quá nặng gánh, ảnh hưởng đến tài sản của nông hộ. Nông hộ cần phải lên kế hoạch sử dụng vốn tín dụng một cách đúng mục đích để đảm bảo rằng việc sử dụng vốn vay mang lại hiệu quả.

3.3.4.2. Bảo đảm sự chi tiêu các nhu cầu sinh hoạt của nông hộ

Nhu cầu sinh hoạt có thể hiểu là những nhu cầu nhằm đáp ứng sự tồn tại của con người hay giúp nâng cao đời sống của con người như mua lương thực, thực phẩm, mua tivi, xe máy, điện thoại, chi cho giáo dục, y tế...

Trong xã hội cũng còn không ít nông hộ được xếp vào hạng nghèo, cận nghèo, hàng năm họ vẫn thiếu nguồn lực để phục vụ tiêu dùng sinh hoạt thiết yếu như mua gạo, thức ăn, đóng tiền học cho con... Chính vì vậy, bên cạnh mục đích sản xuất thì nhiều nông hộ cũng vay vốn phục vụ cho tiêu dùng.

Bên cạnh đáp ứng những nhu cầu thiết yếu đảm bảo cho sự tồn tại thì cũng có không ít nông hộ mạnh dạn sử dụng vốn tín dụng để mua những thiết bị tiêu dùng cao cấp nhằm giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của họ như điện thoại, xe máy, xây nhà...

Ngoài ra, tín dụng cũng giúp nông hộ giải quyết

những nhu cầu chi tiêu sinh hoạt đột xuất của nông hộ như người nhà bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo... mà trong thời gian ngắn cần nguồn lực tài chính khá lớn, thậm chí rất lớn.

3.3.4.3. Tác động của tín dụng đến các lĩnh vực khác

Bên cạnh các tác động chính được đề cập ở trên, tín dụng có thể tạo ra những tác động sau đối với kinh tế nông hộ:

- Điều kiện nhà ở: Tín dụng có thể giúp một số nông hộ cải thiện thu nhập và điều này giúp nhiều nông hộ có điều kiện để nâng cấp điều kiện nhà ở như xây mới hoặc sửa chữa. Bên cạnh đó, cũng có không ít hộ vay vốn nhằm mục đích chính là để xây nhà mới hoặc sửa chữa nhà hiện có. Chính vì vậy, nguồn vốn tín dụng cũng tạo ra tác động nâng cao điều kiện nhà ở cho nông hộ.

- Cải thiện tiếp cận thông tin: Phương tiện thông tin như internet, điện thoại, truyền hình hiện nay có vai trò quan trọng đối với cuộc sống của mọi gia đình, là phương tiện vừa để phục vụ sản xuất, vừa là phương tiện phục vụ sinh hoạt cũng như là phương tiện để học tập. Nhờ có thêm nguồn vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất, các nông hộ có thể cải thiện được phương tiện truyền thông như internet, điện thoại, truyền hình. Điều này sẽ giúp nông hộ gia tăng chất lượng cuộc sống, điều kiện sản xuất cũng như nắm bắt được thông tin về bên ngoài xã hội.

- Cải thiện các điều kiện sinh hoạt khác: Bên cạnh giúp cải thiện điều kiện về nhà ở, vệ sinh, phương tiện đi lại, phương tiện thông tin, việc có thêm nguồn lực hay có thêm thu nhập từ

việc đầu tư nguồn tín dụng vào quá trình sản xuất, việc tiếp cận tín dụng cũng giúp nông hộ có thể cải thiện nhiều đồ dùng cần thiết khác ví dụ như áo quần, tủ, bàn - ghế và điều này đã góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống của nông hộ.

- Tạo việc làm: Tín dụng cũng có thể giúp nông hộ tạo thêm được việc làm mới thông qua việc mở rộng quy mô sản xuất.

- Gia tăng “nợ nần”: Bên cạnh những tác động tích cực mang lại, tín dụng cũng có thể làm gia tăng nợ nần cho nông hộ. Xuất phát từ nhiều nguyên nhân như vay vốn với lãi suất quá cao, quá trình sản xuất gặp bất lợi, gặp rủi ro do khi đầu tư lĩnh vực mới, vay tiêu dùng không hợp lý... việc vay vốn có thể không làm gia tăng thu nhập của họ mà còn làm cho tình trạng nợ nần của gia đình càng trầm trọng hơn.

4. KẾT LUẬN

Bài viết đã tổng hợp các lý thuyết và những nghiên cứu thực nghiệm về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ trên thế giới và ở Việt Nam. Qua nghiên cứu cho thấy vấn đề tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ đã được nhiều nhà nghiên cứu và nhà khoa học, học giả quan tâm. Các nghiên cứu cũng đã đề cập đến những khía cạnh khác nhau về tín dụng, kinh tế hộ nông dân, tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ. Nghiên cứu này đã tổng hợp và làm rõ các vấn đề lý luận về tín dụng, kinh tế hộ nông dân và nội dung đánh giá tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ, đồng thời nghiên cứu cũng đã xây dựng khung phân tích về tác động của tín dụng đối với kinh tế nông hộ.

LITERATURE REVIEW OF THE IMPACT OF CREDIT ON THE ECONOMY OF FARMER HOUSEHOLDS

Vo Xuan Hoi¹, Pham Thanh Hung¹, Nguyen Duc Quyen¹, Vu Trinh Vuong¹,
Nguyen Thi Tra Giang¹

Received Date: 30/10/2023; Revised Date: 23/02/2024; Accepted for Publication: 25/02/2024

ABSTRACT

Credit plays a crucial role in the development of the agricultural economy. The agricultural economy is a fundamental and self-reliant form of agriculture in which farmers own the means of production. It is an efficient and suitable economic model for agricultural production, having evolved and developed objectively and sustainably over time. Research on the impact of credit on the agricultural economy

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Vo Xuan Hoi; Tel: 0905841851; Email: vxhoi@ttn.edu.vn.

has been conducted by numerous scholars. This article employs a synthesis, evaluation, and analysis method based on studies of the effects of credit on the agricultural economy. The research results have organized various aspects of credit and its impact on the agricultural economy. The impact of credit in the agricultural economy is reflected in several dimensions, including providing capital for farmers' production processes, expanding production scale, increasing production efficiency and income, ensuring the household needs of farmers, and other related effects.

Keywords: *impact, credit, farmer households.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

- Bộ Tư pháp (2018). Tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đánh giá tác động của chính sách.
- Chính phủ (2015). Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2016 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn.
- Hiệp hội quốc tế về đánh giá tác động IAIA, Đánh giá tác động là gì? https://www.iaia.org/pdf/special-publications/What%20is%20IA_web.pdf
- Hồ Diệu (2001). *Tín dụng ngân hàng*, Nhà xuất bản thống kê năm 2001.
- Frank Ellis (1993). *Kinh tế hộ gia đình nông dân và phát triển nông nghiệp*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
- Phạm Vũ Lừa Hạ (2003). *Phát triển hệ thống tín dụng nông thôn (Chương 13, P.335-375)*. Làm gì cho nông thôn Việt Nam. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đình Phi Hồ và Đông Đức (2015). *Tác động của tín dụng chính thức đến thu nhập của nông hộ ở Việt Nam*. Tạp chí Phát triển Kinh tế.
- Nguyễn Thành Nam (2016). *Đánh giá về chính sách tín dụng ngân hàng phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn*. Tạp chí Ngân hàng, Số 1/2016.
- Quốc hội (2010). Luật số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 về các tổ chức tín dụng.
- Lê Văn Tê (2013). *Giáo trình tín dụng ngân hàng*. Nhà xuất bản Lao động.
- Nguyễn Hồng Thu (2018). *Tác động của tín dụng vi mô đối với thu nhập của các hộ nghèo ở khu vực Đông Nam Bộ*. Luận án tiến sĩ. Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Hữu Thu (2020). *Phát triển tín dụng cho hộ nghèo ở tỉnh Thái Nguyên*. Luận án tiến sĩ kinh tế. Đại học Thái Nguyên.
- Đào Thế Tuấn (1997). *Kinh tế hộ nông dân*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
- Mai Văn Xuân (2011). *Giáo trình kinh tế nông hộ và trang trại*. Trường Đại học Kinh tế Huế.

Tài liệu tiếng nước ngoài

- Barslund, M. a. (2008). Formal and informal rural credit in four provinces of Vietnam. *Journal of Deverlopment Studies*, 485-503.
- Dina Pomeranz. (2011). *Impact Evaluation Methods*.
- Duong, P.B. and Thanh, P.T. (2015). *Impact Evaluation of Microcredit on Welfare of the Vietnamese Rural Households*, *Asian Social Science*; Vol. 11, No. 2; 2015.
- Gertler, Paul J at al. (2016). *Impact Evaluation in Practice*, second edition, World Bank.
- Jonothan Golin (2014), *The bank credit analysis handbook. A guide for analysts bankers and investors*. <http://www.Reseachadmarkets.com/report/2242057>.
- Khandker, Shahidur & Pitt, Mark, (2010). *The impact of Group-Based Credit Programs on Poor Households in Bangladesh: Does the Gender of Participants Matter?* *Journal of Political Economy*
- Morduch, J, Haley. (2001). *Analysis of the Effects of Microfinance on Poverty Reduction*. Results Canada for the Canadian International Deverlopment Agency (CIDA).
- Pham Tien Thanh, Katsuhiko Saito, Pham Bao Duong. (2019). *Impact of microcredit on rural household welfare and economic growth in Vietnam*. *Journal of Policy Modeling*.
- Thanh, Ha. (2015). *Determinants of Access to Bank Credit for Agricultural Households in Vietnam*. *Journal of Economics and Development*, 111-122.